

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 6 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Mai Linh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Đình Dũng**

Ông **Tạ Văn Thọ**

Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Văn Tứ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa:*
Ông **Nguyễn Duy Chính** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thu T** - sinh năm 1993

Trú tại: Phường N, TP T, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn D** – sinh năm 1994

Trú tại: Xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

Hiện nay anh D đang chấp hành án tại Đội 6, Phân trại số 3, Trại giam Tân Lập (xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ)

(Chị T có mặt, anh D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu T trình bày:

Chị tự nguyện kết hôn với anh Bùi Văn D vào ngày 19/10/2018, đăng ký tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Cuộc sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn do anh D nghiện ma túy. Chị và gia đình đã khuyên giải rất nhiều lần nhưng anh D không từ bỏ được, ngày càng nghiện nặng hơn. Đỉnh điểm đến tháng 10/2022, anh D bị Công an bắt và bị Tòa án xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Nay chị xác định mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân không còn tình cảm nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Bùi Thị Ánh H, sinh ngày 09/5/2019, hiện đang ở cùng chị. Chị xin tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa đã tiến hành lấy lời khai của anh Bùi Văn D tại Trại giam Tân Lập – Cục C10 – Bộ công an. Anh D xác định quá trình kết hôn, mâu thuẫn, con chung như chị T trình bày. Bản thân anh cũng thừa nhận việc nghiện ma túy, đã được khuyên bảo nhưng không từ bỏ được khiến gia đình không hạnh phúc, bản thân không lo được cuộc sống cho mẹ con chị T. Nhưng nay anh không muốn ly hôn và nếu chị vẫn quyết ly hôn thì anh xin nuôi con. Hiện anh đang chấp hành án nên anh sẽ nhờ ông bà nội nuôi dưỡng cháu. Các vấn đề khác, anh không đề nghị gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Văn D.

- Về con chung: Xử giao con chung là Bùi Thị Ánh H - sinh ngày 09/5/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là chị Lê Thị Thu T hiện có địa chỉ ở phường N, thành phố T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Bùi Văn D có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Tân Lập – Cục C10 – Bộ công an (địa chỉ: Xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ) nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T kết hôn với anh Bùi Văn D năm 2018 là hôn nhân hợp pháp bởi lẽ anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Hòa Bình. Hai bên chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh D sử dụng ma túy. Năm 2022 anh D bị bắt và phải

đi chấp hành án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bản thân anh D không muốn ly hôn nhưng thực tế, mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ năm 2020 khi gia đình phát hiện anh D sử dụng ma túy. Chị T và gia đình đã khuyên giải và tạo cơ hội nhiều lần nhưng anh D vẫn không thay đổi. Chị T đã đưa con về nhà ngoại ở Tuyên Quang sinh sống. Từ khi anh D vi phạm pháp luật, chị T cũng không thăm nom lần nào, anh D cũng thừa nhận tình trạng hôn nhân thực tế như vậy. Mặt khác, gia đình bố mẹ đẻ chị T cũng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị.

Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, không còn khả năng hàn gắn. Việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là Bùi Thị Ánh H, sinh ngày 09/5/2019. Xét thấy, từ trước khi anh D bị bắt, chị T vẫn trực tiếp nuôi con, có thu nhập và chỗ ở ổn định. Bản thân anh D đang chấp hành án không có điều kiện nuôi con nên việc chị T trực tiếp nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này anh chị có đề nghị, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Bùi Văn D

2- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Ánh H, sinh ngày 09/5/2019. Anh Bùi Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không giải quyết

4 - Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2020/0005275 ngày 05/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Mai Linh